

Khoái Châu, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Số: 157/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐỒNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 173/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa:

*** Nguyên đơn: chị Bùi Thị Tuyết M, sinh năm: 1989**

HKTT: Tổ 1, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang

Hiện trú tại: Số 7 Đại lộ T, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn: anh Đỗ Trọng C, sinh năm: 1991**

HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Đỗ Đức Th, sinh ngày 14/10/2018

Người giám hộ cho cháu Th: Chị Bùi thị Tuyết M và anh Đỗ Trọng C (bố, mẹ cháu Th).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 51; 55; 57; 81; 82; 83; 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, lập ngày 12/8/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đồng sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/8/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đồng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Tuyết M và anh Đỗ Trọng C.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đồng sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bùi Thị Tuyết M và anh Đỗ Trọng C cùng thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Giao cháu Đỗ Đức Th cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày 12/8/2020 cho đến khi cháu Th trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, anh C được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật; quyền được đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình:** Chị M và anh C cùng tự nguyện không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Chị M tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, anh Cường nhất trí. Đối trừ số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2019/0002312 ngày 20/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, chị M được hoàn trả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

- TAND tỉnh H- ng Yên;
- VKSND huyện KC;
- THA huyện KC;
- UBND xã Đ;
- L- u HSVA.

Đào Duy Trĩnh